

Bản án số: 95/2024/HS-PT

Ngày: 06/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Vinh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Ông Trần Minh Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đãi Em – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2024/TLPT-HS ngày 05 tháng 03 năm 2024 đối với bị cáo Trần Thị T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị T; sinh ngày 02/12/2002; nơi sinh: Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Sinh viên năm 4 trường Đại học Đ1; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình H và bà Dương Thị G; gia đình có 2 người con, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa

2. Võ Đình L; sinh ngày 07/6/2004; nơi sinh: Phú Yên; nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Sinh viên năm 2 trường Đại học Đ1; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Đình B và bà Lê Thị Phương Đ; bị cáo là con duy nhất trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa

3. **Lê Đức D**; sinh ngày 26/10/2002; nơi sinh: Quảng Trị; nơi cư trú: **Thôn M, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**; Nghề nghiệp: Sinh viên năm 4 **trường Đại học Đ1**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Đức T1** và bà **Hoàng Thị H1**; gia đình có 4 người con, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa

4. **Nguyễn Thị Thanh H2**; sinh ngày 01/3/2001; nơi sinh: Quảng Nam; nơi cư trú: **Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**; Nghề nghiệp: Sinh viên năm 4 **trường Đại học Đ1**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Thanh V** và bà **Lê Thị V1**; gia đình có 2 người con, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 ngày 09 tháng 3 năm 2023, **Bùi Khắc T2, Võ Đình L, Trần Lưu Thiện P, Huỳnh Thanh A, Lê Đức D, Phan Đức T3, Phan Hồng T4, Huỳnh Lê Nam T5, Trần Thị T, Nguyễn Thị Thanh H2** và **Trần Ngọc Q** cùng với **Trần Thị Diễm Q1** và **Nguyễn Quốc K** rủ nhau đến uống cafe tại **quán B2 số B H, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng** do **Lê Thị Thanh T6** làm chủ. Trong quá trình uống cafe tại quán thì **Bùi Khắc T2** rủ **Võ Anh T7** đến quán cafe nói trên để đánh bạc, khi đi thì **T7** có rủ theo **Ngô Anh T8, Đinh Tấn B1** và **Bùi Lê Q2** đi cùng. Khi nhóm của **T7** đến quán thì **T2, T, T7** và **T8** sử dụng bộ bài tây 52 lá để đánh bài “Cào tổ” thắng thua bằng tiền, những người còn lại ngồi xem đánh bạc hoặc uống cafe tại quán. Thể thức đánh bạc như sau:

Trước mỗi ván thì các đối tượng bỏ ra số tiền 50.000 đồng vào chính giữa bàn (gọi là tiền sán). Bắt đầu ván bài thì mỗi người được chia ba lá bài, sau khi xem bài thì người chơi bên tay phải người chia bài có quyền tổ trước và đặt tiền tổ từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng vào tổng tiền sán. Những người chơi còn lại có các lựa chọn gồm:

- Úp bài: Người chơi bỏ cuộc và úp bài xuống bàn, người úp bài sẽ mất số tiền đã cược và kết thúc lượt chơi;

- Theo: Người chơi giữ lại bài và đặt số tiền cược vào tổng tiền sàn bằng với người tố trước đó;

- Tố: Người chơi giữ lại bài và đặt thêm tiền cược vào tổng tiền sàn nhiều hơn người tố trước đó;

Sau khi đặt cược và tố xong thì các người chơi cùng mở bài, người nào có bộ bài mang giá trị cao nhất sẽ thắng cuộc và lấy toàn bộ số tiền sàn trên bàn.

Khi tham gia đánh bạc các đối tượng sử dụng số tiền như sau:

- **Bùi Khắc T2** sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, trong đó 1.000.000 đồng là tiền **T2** mang theo, 1.000.000 đồng còn lại là số tiền **T2** nhờ **Nguyễn Thị Thanh H2** sử dụng ví điện tử Momo chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng **M**, số tài khoản 0935070690 của **Lê Thị Thanh T6**, sau đó **T6** đưa tiền mặt cho **T2** sử dụng để đánh bạc. Số tiền này **T2** đã thua hết.

- **Trần Thị T** sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, số tiền này là **T** mang theo. Quá trình đánh bạc **T** thua hết 250.000 đồng.

- **Võ Anh T7** sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, trong đó 1.000.000 đồng là số tiền **T7** mang theo, 2.000.000 đồng còn lại là **T7** chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng **M** của **Lê Thị Thanh T6**, sau đó **T6** đưa tiền mặt cho **T7** sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc **T7** thua hết 1.400.000 đồng.

- **Ngô Anh T8** sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, toàn bộ số tiền này là **T8** chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng **M** của **Lê Thị Thanh T6**, sau đó **T6** đưa tiền mặt cho **T8** sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Toàn thắng được số tiền 3.050.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là **8.200.000 đồng**.

Trong quá trình các bị cáo đánh bạc thì **Đinh Tấn B1** ngồi bên cạnh **T8** để xem, đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì **T7** đề nghị đổi bài và nhờ **B1** đi mua bài, nhóm của **T2** đồng ý và nhờ **Phan Hồng T4** (cũng đang ngồi xem đánh bạc) đi mua bài cùng với **B1** để đảm bảo khách quan, **T4** nhận của **T7** 150.000 đồng rồi đi cùng **B1** sang **cửa hàng B2** mua 10 bộ bài tây cho các đối tượng tiếp tục đánh bạc.

Ngoài ra, các bị can quy ước người nào thắng sẽ được chia bài ở ván tiếp theo. Do **Bùi Khắc T2** có tật ở tay trái không thể tự chia bài nên mỗi khi thắng ván bài thì **T2** nhờ **Lê Đức D** chia bài giúp, **D** trực tiếp chia bài cho các đối tượng tham gia đánh bạc được khoảng 05 ván thì có việc nên bỏ đi, sau đó **T2** lại nhờ **Võ Đình L** chia bài giúp khoảng 07-08 ván bài.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, **Huỳnh Lê Nam T5** và **Trần Lưu Thiện P** trong lúc ngồi uống cafe ở bàn bên cạnh đã tự sử dụng đèn Flash của điện thoại di động soi vào những lá bài đã qua sử dụng thì phát hiện có ký hiệu lạ trên những lá bài, **T5** và **P** nghi ngờ nhóm của **T7** chơi gian lận nên nói lại cho **T2** biết, lúc này **T2** và **A** rút ra 02 con dao bằng kim loại, dài 10cm rồi cả hai xông

vào chém, đâm nhóm của T7 nhưng không trúng, cùng lúc thì L, P, D, T5, T3 và T4 cũng xông vào dùng tay chân đánh nhóm của T7. Nhóm của T7 cũng đứng dậy dùng ghế đánh trả lại rồi bỏ chạy ra đường H, riêng T7 không kịp bỏ chạy còn đứng lại tại quán nên bị P giữ lại. T2 đòi T7 trả lại tiền đánh bạc nhưng T7 trả lời không biết nên nhóm của T2 tiếp tục xông vào dùng tay chân đánh T7 và tra hỏi. Bị can Lê Thị Thanh T6 thấy các đối tượng gây ồn ào nên đuổi nhóm T2 đi nơi khác, đồng thời cũng vì lo sợ nếu tiếp tục gây ồn ào sẽ bị công an phát hiện nên T2 nói to cho cả nhóm nghe: “Đi ra chỗ khác nói chuyện” nhằm mục đích nhờ các bị can còn lại giúp mình bắt giữ T7 đưa đi nơi khác để nói chuyện thì cả nhóm đồng ý. T7 nói mình không liên quan đến việc gian lận và không đồng ý đi với nhóm của T2 thì bị T2 dùng tay phải đánh vào mặt và nói “mi im, đi với tụi ta”, khi P kéo T7 lên xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen đỏ, BKS: 77C1-786.69 (xe của T4) do A điều khiển để chở đi nơi khác thì T7 vùng chạy nhưng bị P giữ lại. Sau đó, A điều khiển xe mô tô nói trên chở T7 và P; D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave màu vàng nâu, BKS: 74B1-038.04 của D chở T5 và T4; L điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu đỏ, BKS: 92N1-475.69 của H2 chở H2 và T2; Q điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH màu trắng đen, BKS: 76C1-859.63 của Q chở T3; T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đỏ, BKS: 43K1-604.54 chở theo Q1, còn K bỏ về nhà và không đi cùng nhóm của T2. Các bị cáo trên đường bắt giữ T7 đi nơi khác thì bị thất lạc nhau nên đã liên lạc và thống nhất tập trung tại quán C1 trên đường X, thành phố Đà Nẵng, tại đây T2 tiếp tục hỏi T7 về việc đánh bạc gian lận rồi nói cả nhóm chở T7 sang phòng trọ của A tại đường T, phường H, quận C để tiếp tục tra hỏi nhưng A không đồng ý và đề nghị bắt giữ T7 đến sân vận động H5, phường H, quận C thì cả nhóm đồng ý. Sau đó, D kéo T7 sang xe của mình, L ngồi sau giữ T7 rồi cùng cả nhóm chở T7 đến sân vận động H5; khi đến nơi thì Q1 tự đặt xe ôm bỏ về. Tại sân vận động H5, T2 nói T7 xuống xe để nói chuyện, T7 vẫn không thừa nhận việc đánh bạc gian lận nên T5 và P dùng đèn flash điện thoại soi lá bài cho T7 thấy dấu hiệu trên lá bài, T, H2 đứng tranh cãi T7 về việc đánh bạc gian lận, đồng thời H2 sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu hồng của mình để quay lại sự việc. T7 nói có thể do nhóm bạn của T7 đánh bạc gian lận, không liên quan đến T7 và nói để T7 gọi cho nhóm bạn của mình lên trả lại tiền đánh bạc cho T2. Lúc này, P đưa ra 01 túi xách màu xám đen, bên trong có 01 điện thoại hiệu Iphone 13, màu xanh đen và 01 điện thoại hiệu Iphone 6 (T7 và T8 làm rơi trong lúc đánh nhậu tại quán B2, sau đó P nhặt được và mang theo). T2 cầm lấy túi xách từ P, lấy điện thoại hiệu Iphone 13 đưa cho T7 để gọi điện thoại cho những người khác lên giải quyết tiền thua bài nhưng không gọi được nên T7 nói T2 giữ điện thoại và tài sản của T7 rồi cho T7 về, hôm sau T7 sẽ dẫn bạn lên trả lại tiền cho T2 nhưng T2 không đồng ý mà tiếp

tục yêu cầu T7 liên lạc cho nhóm bạn lên giải quyết.

Trong quá trình nhóm của T2 tranh cãi với T7 thì T nhớ lại việc bạn của mình là Nguyễn Văn P1 từng đánh bạc với nhóm của T7 và thua tiền nên đã mượn điện thoại của D gọi cho P1 thông báo việc nhóm của T2 đang giữ T7 vì đánh bạc gian lận. Nghe vậy, P1 gọi cho bị cáo Lê Tấn H3 báo sự việc trên, vì cho rằng mình cũng bị nhóm của T7 chơi gian lận nên H3 gọi điện thoại rủ bị cáo Nguyễn Thanh T9 đi cùng giúp H3 đòi tiền nợ. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, H3 điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH, màu trắng, BKS: 92G1-387.01 đến nhà đón T9 và chở qua Sân vận động H5, trên đường đi thì H3 nói với T9 là T7 đã đánh bạc gian lận và thắng tiền của mình, H3 nhờ T9 đòi lại giúp 10.000.000 đồng. Khi đến sân vận động H5 thì H3 chỉ cho T9 biết T7 là người đã đánh bạc gian lận với mình, T9 đòi T7 trả tiền cho H3 nhưng T7 nói không biết, khi nghe tin nhóm bạn của T7 đã trình báo Cơ quan Công an thì T9 và H3 bắt giữ T7 dẫn đến địa điểm khác để tiếp tục đòi tiền, Tân siết chặt cổ, dùng tay còn lại đẩy lưng T7 lên xe mô tô hiệu Honda SH, BKS: 92G1-387.01 do H3 điều khiển, T9 ngồi sau dùng cánh tay vòng qua cổ, siết giữ T7 lại. T9 nói H3 chạy lên đường T để tránh bị phát hiện thì H3 đồng ý và điều khiển xe đi theo tuyến đường T đến khu vực gần T, thành phố Đà Nẵng. Đến nơi, Tân kéo T7 xuống xe, hỏi về số tiền T7 thắng được của H3. Sợ bị đánh, T7 nói “ta ăn mì chùng nớ tiền thì ta trả nhưng giờ ta không có tiền mặt”, nghe vậy T9 nhặt 01 khúc gỗ gần đó, vung lên dọa đánh và nói T7 “chừ ý mi rân, mi nói chuyện mát dậy với tao à”, sau đó đánh T7 một phát vào chân và tiếp tục đòi tiền, bị đánh T7 bỏ chạy ra đường T thì H3 và T9 đuổi theo bắt giữ, ép T7 ngồi lên xe và chở đến khu vực đường vắng trên đường T để tiếp tục yêu cầu T7 trả tiền. Khi biết Bùi Khắc T2 vẫn còn đang giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 của T7 thì H3 đã chủ động liên lạc yêu cầu T2 mang điện thoại của T7 đến, một lúc sau thì P điều khiển xe mô tô chở T2 đến và đưa 01 điện thoại hiệu Iphone 6; 01 điện thoại hiệu Iphone 13, màu xanh cho T7, sau khi nhận điện thoại thì T9 đuổi P và T2 về. H3 yêu cầu T7 đưa điện thoại Iphone 13 của T7 cho H3 kiểm tra sau đó các bị can buộc T7 đem điện thoại đi cầm để trả lại tiền cho H3, vì lo sợ bị T9 và H3 tiếp tục đánh nên T7 đã đồng ý. Sau đó, H3 điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH BKS: 92G1-387.01 chở T7 và T9 đi tìm cửa hàng cầm đồ để cầm điện thoại nhưng không có nên H3 đã chở T7 và T9 quay về cây xăng trên đường T. T7 gọi điện thoại cho Bùi Lê Q2 mang tiền lên cho H3 và T9 thì Q2 nói mới chỉ mượn được 4.000.000 đồng nên T7 đề nghị trả trước 4.000.000 đồng nhưng T9 và H3 không đồng ý. Một lúc sau, T9 nói T7 để lại điện thoại rồi hôm sau mang tiền lên chuộc lại thì T7 thì đồng ý cho T9 giữ điện thoại hiệu Iphone 13 của T7, còn T7 giữ lại điện thoại Iphone 6. Sau đó, H3

chở T7, T9 xuống khu vực cầu vượt H, để T9 bỏ đi, rồi tiếp tục chở T7 đến cầu N và cho T7 về. Sáng ngày 10 tháng 3 năm 2023 T9 không liên lạc được với H3 nên đã tự mang điện thoại di động hiệu Iphone 13 của T7 bán tại tiệm C2 tại số H đường T, quận L, thành phố Đà Nẵng của ông Nguyễn Gia T10 (Sinh năm: 1981, trú tại: Tổ E, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng) được 11.000.000 đồng, sau đó tiêu xài hết 6.000.000 đồng. Số tiền 5.000.000 đồng còn lại T9 liên hệ chuyển khoản cho H3, tuy nhiên H3 đã gửi cho T9 số tài khoản của T2 để chuyển tiền.

Tang vật tạm giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen đỏ, BKS: 77C1-786.69 (tạm giữ của Phan Hồng T4); 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu vàng nâu, BKS: 74B1-038.04 (tạm giữ của Lê Đức D); 01 (một) xe mô tô hiệu SH, màu trắng đen, BKS: 76C1-859.63 (tạm giữ của Trần Ngọc Q); 01 (một) xe mô tô hiệu Airblade, màu đỏ BKS: 43K1-604.54 (tạm giữ của Huỳnh Lê Nam T5); 01 (một) xe mô tô hiệu SH mode, màu đỏ, BKS: 92N1-475.69 (tạm giữ của Nguyễn Thị Thanh H2); 01 (một) xe mô tô hiệu SH, màu trắng, BKS: 92G1-387.01 (tạm giữ của Lê Tấn H3);
- 01 (một) con dao đôi, bằng kim loại, màu đen, xám dài khoảng 20 cm (khi rút ra sẽ tạo thành 02 con dao có lưỡi dài khoảng 10 cm) tạm giữ của Bùi Khắc T2;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu xanh đen (của Võ Anh T7); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax, màu vàng (tạm giữ của Lê Thị Thanh T6); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng (tạm giữ của Ngô Anh T8); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 promax, màu trắng (tạm giữ của Lê Tấn H3); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu hồng (tạm giữ của Nguyễn Thị Thanh H2).
- Số tiền 5.000.000 đồng do Nguyễn Thị Thanh H2 giao nộp;
- 01 đĩa CD chứa đoạn video về diễn biến vụ án tại quán C3;
- 01 đĩa CD chứa đoạn video do Nguyễn Thị Thanh H2 quay lại diễn biến vụ án tại sân vận động H5.

Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND quận C, thành phố Đà Nẵng thì điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu xanh đen của Võ Anh T7 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là **14.497.000 đồng**.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 499/KL-KTHS ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận trên cơ thể của V Thi xác định 02 vết biến đổi sắc tố da vùng cổ, tỉ lệ phần trăm tổn thương của mỗi vết là 0,5%. Tổng tỉ lệ thương tổn cơ thể là 01%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2024/HS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Tấn H3 06 (S)** tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Tấn H3 01 (Một) năm 09 (C)** tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là **02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, ngày 31/3/2023.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T9 06 (S)** tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T9 02 (H4)** năm tù về tội “Cướp tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là **02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, ngày 24/3/2023.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Bùi Khắc T2 09 (C)** tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Bùi Khắc T2 06 (S)** tháng tù về tội “Đánh bạc”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là **01 (một) năm 03 (Ba) tháng tù**, nhưng được trừ vào thời gian bị tạm giam trước đây là **02 tháng 27 ngày**, bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành án là **12 (mười hai) tháng 03 (Ba) ngày tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Thị T 03 (Ba) tháng tù** về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Thị T 06 (S)** tháng tù về tội “Đánh bạc”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là **09 (Chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Võ Đình L 06 (S)** tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Võ Đình L 03 (Ba) tháng tù** về tội “Đánh bạc”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai

tội bị cáo phải chấp hành là **09** (Chín) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Đức D 06 (S)** tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Đức D 03** (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là **09** (Chín) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Phan Hồng T4 06 (S)** tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Phan Hồng T4 03** (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là **09** (Chín) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh H2 03** (Ba) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh H2 03** (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là **06** (Sáu) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh A 06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/01/2024.

Giao bị cáo **Huỳnh Thanh A** về **UBND thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

10. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Huỳnh Lê Nam T5 06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/01/2024.

Giao bị cáo **Huỳnh Lê Nam T5** về **UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng** để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

11. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Lưu Thiện P 06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/01/2024.

Giao bị cáo **Trần Lưu Thiện P** về **UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng** để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

12. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Phan Đức T3 06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/01/2024.

Giao bị cáo **Phan Đức T3** về **UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi** để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

13. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Ngọc Q 06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/01/2024.

Giao bị cáo **Trần Ngọc Q** về **UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi** để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

14. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Võ Anh T7 06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/01/2024.

Giao bị cáo **Võ Anh T7** về **UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam** để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

15. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Ngô Anh T8 06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/01/2024.

Giao bị cáo **Ngô Anh T8** về **UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam** để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án

treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

16. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Đinh Tấn B1 06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/01/2024.

Giao bị cáo **Đinh Tấn B1** về **UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam** để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

17. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Thị Thanh T6 06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/01/2024.

Giao bị cáo **Lê Thị Thanh T6** về **UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng** để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 các bị cáo **Lê Đức D** và **Nguyễn Thị Thanh H2** có đơn kháng cáo, ngày 28 tháng 01 năm 2024 bị cáo **Trần Thị T** có đơn kháng cáo và ngày 06 tháng 2 năm 2024 bị cáo **Lê Đức D** có đơn kháng cáo với nội dung: Xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục: Đơn kháng cáo của các bị cáo có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn luật định, nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Xét Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xét

xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” khoản 1 Điều 321 và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân bị cáo. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh đúng như bản án sơ thẩm đã kết luận; các bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có đủ căn cứ để khẳng định:

[1] Qua xem xét lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 18 giờ 00 ngày 09 tháng 03 năm 2023, tại quán B2 số B đường H, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng các bị cáo Bùi Khắc T2, Trần Thị T, Võ Anh T7 và Ngô Anh T8 đã có hành vi đánh bạc trái phép với số tiền sử dụng để đánh bạc là 8.200.000 đồng. Trong quá trình đánh bạc, các bị cáo Lê Đức D, Võ Đình L thay phiên nhau chia bài giúp sức cho bị cáo Bùi Khắc T2, các bị cáo Phan Hồng T4 và Đinh Tấn B1 có hành vi đi mua 10 bộ bài tây để cho các bị cáo thay bộ bài cũ. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H2 đã có hành vi cung cấp tiền mặt cho bị cáo T2 sử dụng để đánh bạc. Bị cáo Lê Thị Thanh T6 đã có hành vi cung cấp địa điểm, công cụ và nhận chuyển khoản để cung cấp tiền mặt cho các con bạc. Mặc dù, biết việc đánh bạc được ăn thua bằng tiền của các bị cáo T2, T, T7 và T8 là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi mua bài, cung cấp tiền mặt, chia bài giúp các bị cáo trên, mua bài, qua đó giúp sức cho việc đánh bạc trái phép. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hành vi của Bùi Khắc T2, Trần Thị T, Võ Anh T7, Ngô Anh T8, Võ Đình L, Lê Đức D, Phan Hồng T4, Nguyễn Thị Thanh H2, Đinh Tấn B1 và Lê Thị Thanh T6 đã cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình đánh bạc, giữa các đối tượng đã xảy ra tranh chấp nên các bị cáo Bùi Khắc T2, Huỳnh Thanh A, Trần Lưu Thiện P, Huỳnh Lê Nam T5 đã dùng dao và bàn ghế tấn công nhóm của T7, gây thương tích 01% cho T7; Các bị cáo Lê Đức D, Võ Đình L, Phan Hồng T4, Phan Đức T3 đã cùng vào ôm, xô

xát với nhóm của T7. Sau đó, các bị cáo đã cưỡng ép, bắt giữ T7 trái pháp luật rồi chở đến sân vận động H5, phường H, quận C để giải quyết việc đánh bạc gian lận có sự tham gia của bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Thị Thanh H2 và Trần Ngọc Q. Hội đồng xét xử xác định hành vi của Bùi Khắc T2, Huỳnh Lê Nam T5, Trần Lưu Thiện P, Trần Thị T, Võ Đình L, Lê Đức D, Phan Hồng T4, Nguyễn Thị Thanh H2, Huỳnh Thanh A, Phan Đức T3 và Trần Ngọc Q đã cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Vi vậy, hành vi trên Tòa án cấp sơ thẩm kết tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 đối với các bị cáo là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Trần Thị T, Lê Đức D, Võ Đình L, Nguyễn Thị Thanh H2, thì thấy:

[2.1]. Đối với hành vi đánh bạc trong vụ án này: Vai trò của các bị cáo hết sức giản đơn, các bị cáo H2, L, D không xuống tiền đánh bạc, không thắng thua, không thu lợi. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H2 chỉ giúp sức cho bị cáo T2 có tiền mặt để đánh bạc bằng cách chuyển khoản cho bị cáo T6 1.000.000 đồng vào tài khoản của T6. Sau đó, T6 đưa tiền mặt đúng 1.000.000 đồng cho T2 và đi ra ngoài không tham gia vào việc đánh bạc. Do tay bị cáo T2 bị tật không thể chia bài được nên nhờ bị cáo D chia giúp được 5 ván và bị cáo D bị ra ngoài. Sau đó, bị cáo L vào chia thay bị cáo L giúp bị cáo T2 7 ván thì bị bắt. Riêng bị cáo T trực tiếp vào đánh bạc nhưng số tiền rất nhỏ, chỉ có 1.200.000 đồng.

[2.2]. Đối với hành vi bắt, giữ người trái phép: Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò giữa những người cùng thực hiện hành vi phạm tội, hành vi bắt, giữ là bộc phát. Tính chất của vụ án không mang tính chất băng nhóm, côn đồ. Các bị cáo T2, A, Thiện P đóng vai trò chủ mưu, khởi xướng, thực hiện rất quyết liệt với người bị hại. Các bị cáo khác chỉ mang tính giúp sức về mặt tinh thần, háo thắng theo hiệu ứng đám đông, dùng xe máy chở nhau chạy theo bị cáo T2, A. Bị cáo T chỉ gọi điện báo cho P1 về việc T7 bị bắt và kết thúc hành vi phạm tội. P1 gọi cho bị cáo T9, H3 để dẫn đến hành vi cướp tài sản rất nghiêm trọng T hoàn toàn không biết.

Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng hiện tại các bị cáo đang là sinh viên trường Đại học Đ1; đều có nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tuy phạm 02 tội danh nhưng đây là lần đầu phạm tội và mỗi tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Qua xem xét tính chất, mức độ tham gia tội phạm; các tình

tiết giảm nhẹ, nhân thân và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng án treo nhằm tạo cơ hội cho các bị cáo tiếp tục được học tập và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú cũng đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo **Trần Thị T**, **Võ Đình L**, **Lê Đức D**, **Nguyễn Thị Thanh H2** không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Thị T**, **Võ Đình L**, **Lê Đức D**, **Nguyễn Thị Thanh H2**;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị T** **03** (Ba) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; **06** (S) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 06 tháng 5 năm 2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Đình L 06 (S)** tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” nhưng cho hưởng án treo; **03 (Ba)** tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là **09 (Chín)** tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 06 tháng 5 năm 2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Đức D 06 (S)** tháng tù về tội “ Bắt, giữ người trái pháp luật” nhưng cho hưởng án treo; **03 (Ba)** tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là **09 (Chín)** tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 06 tháng 5 năm 2024

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh H2 03 (Ba)** tháng tù về tội “ Bắt, giữ người trái pháp luật” nhưng cho hưởng án treo; **03 (Ba)** tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chấp hành là **06 (Sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 06 tháng 5 năm 2024.

Giao bị cáo **Trần Thị T** cho **Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Võ Đình L** cho **Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Lê Đức D** cho **Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị Thanh H2** cho **Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo **Trần Thị T, Võ Đình L, Lê Đức D1, Nguyễn Thị Thanh H2** thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách được thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo **Trần Thị T, Võ Đình L, Lê Đức D1, Nguyễn Thị Thanh H2** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng Cảnh sát THAHS&HTTP;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- TAND quận Cẩm Lệ;
- Người kháng cáo;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hữu Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
CÁC THÂM PHÁN **THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

Bùi Trọng Danh

Trần Hữu Vinh

